

Tô Đồng

Từ sau cuối tháng tư 1975, giới Dược sĩ tị nạn thường có dịp ôn lại đôi ba câu chuyện về trường Dược xưa. Nhiều bài rất hay và trung thực đã được đăng trong những số báo của các Hội Dược sĩ. Câu chuyện thường được kể theo nhãn quan, sự hiểu biết và kinh nghiệm của người viết, nhằm ghi lại kỷ niệm hay dữ kiện của một thời đã qua. Tôi không có khả năng hoặc ý định phê bình hay chỉ trích, về chính sách giáo dục hay nhân vật. Nhưng nếu cho rằng lúc đó chương trình học không thực tế, quá chú trọng vào khoa học căn bản hơn về dược khoa thực hành, thì vì vậy dược lực học đã được giảng dạy ngày càng nhiều hơn trong các sửa đổi kế tiếp. Hay lối học còn nặng về từ chương khoa cử, nhưng trường có thiết lập được các chứng chỉ cao học thực dụng với bằng Tiến sĩ đệ tam cấp, và thi cử bớt nặng nề dần vì đã có nhiều hội đồng giám khảo khác nhau cho cùng một kỳ thi. Hoặc giả nói chương trình Pháp ít hay nhiều hợp với xã hội ta hơn chương trình Mỹ, hay bằng cấp Mỹ có giá trị hơn hay kém bằng cấp Pháp, thì sự so sánh đúng ra chỉ là tương đối thôi. Và ai cũng thấy hay dở còn tùy thuộc nhiều phần vào nơi cấp phát và con người.

Tôi cũng không có tham vọng viết về những quan điểm thời thượng và nhận xét thực tế cho tương lai ngành Dược nước nhà, vì vấn đề này tùy thuộc thời thế và cảnh ngộ. Nhất là ở thời điểm này, nhân tài Việt rải rác khắp nơi nhiều như lá mùa xuân. Nếu có nêu lên được một vài điểm căn bản từ những dữ kiện cũ, hoặc cố ghi lại đôi điều suy nghĩ chưa quên trong mười ba năm tôi liên tục phục vụ tại trường Dược, thì tính cách cần thiết đã mất đi vì năm tháng. Vậy tôi kể những dòng sau đây làm chi? Để đóng góp đôi chút kỷ niệm riêng tư cùng bè bạn xa gần cho vui? Dù sao thì vào lúc bình tâm cũng như khi đắc ý, chúng ta chắc không ai phủ nhận có nhiều dược sĩ tốt nghiệp đã tạo thành quả khích lệ cho giới chúng ta và không hiếm giáo sư trẻ đã đem lại niềm hi vọng lớn lao cho thời buổi ấy.



Một chút riêng tư

Cuối năm 1958, tôi được sang Paris du học với học bổng của Viện Trợ Kỹ Thuật Pháp. Tôi rời Sài Gòn vào buổi tối. Có các bạn Võ Huỳnh, Võ Đạm, Bùi Đình Nam, Trịnh Đình Thiện, Nguyễn Văn Thiệu... đi tiễn từ Đại Học Xá Chợ Lớn. Tại phi trường Tân Sơn Nhất, tôi gặp anh Nguyễn Phú Lịch và gia đình. Cụ kỹ sư Thọ, thân sinh anh Lịch, dặn dò chúng tôi nếu ra đi có nhau thì hãy sớm trở về cùng nhau. Tôi chào từ biệt cô chú Khoa, chú thím Can, các em Nghiễn, Hằng, và bè bạn thân quen... rồi cùng bạn Lịch lên chiếc phi cơ lóng lánh ánh bạc Super Constellation để sang Pháp du học. Chuyến bay của hãng Air France đi mất 33 giờ mới tới Paris, sau khi ghé qua Bangkok, Karachi, Téhéran, Ankara và Rome. Con đường trải dài trước mặt, đến đâu hay đó, suy tính mà làm chi? Mà thường cũng phải bốn năm ăn học tại thành phố Ánh Sáng mới xong được luận án Tiến sĩ.

Khi giáo sư Trương Văn Chôm sang Paris thi Thạc sĩ về Sinh Hóa vào cuối năm 1961, thi thầy đỡ đầu

của tôi là giáo sư Jean Emile Courtois, làm chánh chủ khảo. Thời đó, theo tôi hiểu thì sau khi qua khảo hạch về tước vị và công trình nghiên cứu, thí sinh phải giảng hai bài học. Một bài học về đề tài căn bản sau khi sửa soạn 4 tiếng đồng hồ. Và một bài học về đề tài thời thượng khi sửa soạn 24 tiếng đồng hồ có người giúp đỡ. Giáo sư Chôm nhờ tôi ở lại phòng thí nghiệm đêm hôm đó để kiểm tài liệu giúp ông, nhưng rồi cũng không cần thiết. Nhân dịp này ông cho biết trường Dược đã tách ra khỏi trường Y Dược để thành một phân khoa độc lập, và rất mong tôi sớm trở về. Tôi thật ra cũng đã có quyết định sẽ về nước vào năm tới.

Sau khi trình luận án Tiến sĩ về Sinh Hóa ngày 18 tháng 5 năm 1962, tôi sang Luân Đôn nghỉ xả hơi cùng với một anh bạn Mỹ khá thân, Charles Meyer, Ph. D. Biết tôi sắp về Sài Gòn, anh tặng tôi một quyển tự điển danh-từ hóa-học Pháp Mỹ làm kỷ niệm. Tôi rời Paris từ phi trường Orly vào một buổi sáng tháng 7 năm 1962. Trời trong xanh ngắt, có mây trắng trôi lơ lửng và nắng ấm tuyệt đẹp. Nhiều bạn bè đưa tiễn, có Nguyễn Phú Lịch, Phạm Văn Biểu, Mai Văn Đồng, Vũ Quang Kính, Vũ Xuân Chi, Phạm Ngũ Tùng, Bạch Lý Từ.... Phi cơ phản lực Boeing 707 của hãng Air France bay gần 20 tiếng đồng hồ rồi đáp xuống phi đạo Sài Gòn lúc giữa trưa. Trời oi bức, âm thấp, không có lấy một làn gió nhẹ. Thủ tục quan thuế lại chậm chạp rườm rà. May mà được các bạn thân Nam, Thiện, Thiệu...ra phi cảng chờ đón. Sự vui mừng gặp gỡ làm tôi tạm quên cái nóng và nắng ngày hè, để trò chuyện đủ thứ. Tôi trở về nước để lập gia đình, và cũng vì muốn đóng góp ít nhiều vào ngành Giáo Dục Đại Học còn phôi thai của Việt Nam. Tôi nhận làm Giảng Sư môn Hóa Vô Cơ cho năm thứ nhất trường Đại Học Dược Khoa. Đa số sinh viên học thành tài hay chuyên viên sau khi tu nghiệp như tôi, ai mà không muốn về phục vụ cho quê hương! Nhưng nhiều khi lần lựa mãi chẳng quyết định được. Như trường hợp anh bạn Nguyễn Bình Thành, con ông Chánh Án Lâm, ở trước cửa buồng tôi trong nhà Đông Dương của Thành Phố Đại Học Paris. Anh tốt nghiệp Cao Đẳng Viễn Thông và đã bán hết đồ đạc để về nước. Thế mà mấy tháng sau anh mua lại, để cuối cùng không rời khỏi nước Pháp. Trường hợp anh kỹ sư Cường thì đi về đến nửa đường lại lấy máy bay bay trở lại, có lẽ vì cô vợ đảm chỉ muốn sống bên mẫu quốc? Riêng anh Nguyễn Phú Lịch, người bạn đồng hành thân thiết của tôi, ở lại lập nghiệp bên trời Tây, có thể nhiều phần tại gia đình. Nhưng chính vì vậy mà giáo sư Lịch đã giúp được bao nhiêu dược sĩ Việt Nam tị nạn trở lại nghề cũ.

Trường Dược thời đệ nhất cộng hòa

Trường Y Dược trước kia ở số 28 Trần Quý Cáp. Nay phân khoa Dược tách riêng và dọn về trường sở mới tại số 169 Công Lý, góc đường Hiền Vương. Tuy là một biệt thự cũ sửa lại, nhưng khang trang, rộng rãi, tương đối đủ tiện nghi. Có một số phòng thí nghiệm và mấy phòng học. Có giảng đường lớn chứa cả 500 sinh viên. Nhân viên giảng huấn tuy còn thiếu, nhưng được nhiều phụ tá lâu năm thật tận tâm. Như bà Thoa phòng Ký Sinh Trùng, ông Thiện phòng Vật Lý. Văn phòng có tạm đủ nhân viên, Tổng Thư Ký là giáo sư Phạm Đình Ái. Thư Ký là ông Vũ Ngọc Oánh.

Từ trước, chương trình theo như của Pháp gồm 5 năm học. Lúc tôi về dạy thì chương trình đã được đổi mới lần thứ nhất, dựa vào lý do là năm tập sự cũ, nay gọi là năm thứ nhất, có quá ít môn học, nhất là phần lý thuyết. Chuyển ngữ vẫn là tiếng Pháp. Hai môn Hóa Hữu Cơ và Hóa Vô Cơ nay đem xuống năm thứ nhất và năm thứ hai trong chương trình mới. Tuy nhiên, nhiều môn học vẫn được giảng dạy trong hai năm liên tiếp như thường lệ, thành thử còn phải có chương trình chuyển tiếp cho các sinh viên đang theo học chương trình cũ. Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng dạy Hóa Hữu Cơ. Ông yêu nghề, giỏi và rất tận tâm. Ông đến sớm, viết dàn bài trên bảng, và giảng đủ loại cơ chế phản ứng. Tôi dạy Hóa Vô Cơ, phần đầu có Hóa Đại Cương, phần cuối có các Tinh Thể Chất Khoáng. Nhưng gặp nhiều khó khăn. Thứ nhất là sĩ số năm thứ nhất quá đông, cả ngàn sinh viên, nên phải chia lớp làm hai nhóm. Như vậy, mỗi bài học tôi phải nhắc lại hai lần. Thứ hai là giảng bằng tiếng Pháp thì các sinh viên theo chương trình Việt khó ghi chép được, mà giảng bằng tiếng Việt thì các sinh viên theo chương trình Pháp không hiểu. Tôi đành phải soạn bài học bằng cả tiếng Pháp lẫn tiếng Việt, rồi cho đánh máy trước. Sinh viên khỏi cần ghi chép, khỏi lo chữ tác đánh chữ tộ, đến lớp chỉ để nghe lời giảng bằng tiếng Pháp thôi. Nhưng tôi đâu có thể nói thao thao bất tuyệt cả giờ được, nên mang tiếng là hay đến trễ, về sớm. Trong môn Hóa Vô Cơ, rất nhiều điều học chỉ để biết, lúc cần thì tra cứu chứ không phải thuộc lòng. Riêng năm thứ hai chương trình cũ vì có quá nhiều môn, nên trong kỳ thi giữa năm, tôi đã cho đề tài thi giới hạn. Lại thêm một việc làm để bị chê trách, nhưng nếu giáo sư "tây" cho được thì "ta" cũng cho được chứ sao? Đến lúc chấm thi năm thứ nhất thì quả là cực hình, hơn một ngàn bài ít nhất cũng mất cả tháng trời. Trong thời gian này, tôi còn phải dạy Toán, về Xác suất và Thống kê cho năm thứ hai Dược Khoa, và phụ trách Hóa Học cho năm thứ nhất

trường Nông Lâm Sóc. Có nhiều khi cũng phải chấm kỳ thi tuyển vô Quân Dược.

Mấy năm sau sĩ số trường Dược mới tạm xuống mức giảng dạy được, vì lâu dần, nhiều sinh viên bị loại hay thấy không hợp với ngành này nên tự động chuyển sang ngành khác. Từ niên khóa 65-66, khi trường áp dụng thi tuyển chỉ lấy 400 sinh viên mỗi năm, và tới niên khóa 72-73 lấy xuống còn 200 một năm, thì số sinh viên mới tiến dần tới mức ổn định. Nghĩa là mỗi lớp có khoảng 200 tới 300 sinh viên. Các sinh viên trường Dược ngoài chuyện học, còn có người có tài về nhiều bộ môn thi ca nhạc kịch. Có báo Đất Sóng vào năm 1963 với các anh Vũ Văn Tùng, Nguyễn Ngọc Bình, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Thu Giao, Bùi Khiết, Lê Phục Thủy, Châu Thanh Thủy, Lưu Văn Vịnh, Lê Thanh Nam, Nguyễn Đức Vinh... Chị Hà Dương Thị Quyên có nhờ tôi viết một bài "Đi tìm những chất kháng sinh" cho số ra mắt. Tôi đã mô tả những nguyên lý về sự tìm tòi và khảo sát các chất này. Đa số các bạn viết cho Đất Sóng sau đã thành danh. Tôi cũng được nghe tiếng hát truyền cảm của Quốc Thắng với bài "Tôi đi giữa hoàng hôn", và gặp Mã Gia Minh đàn hay thơ giỏi, phu quân của ca sĩ nổi danh Hoàng Oanh. Sinh viên thường tổ chức các Đại hội mừng Xuân, những Lễ Tốt Nghiệp, các buổi ra mắt Ban Đại Diện thật vui vẻ thoải mái. Tôi còn nhớ một bài viết thật hay và cảm động của chị Ngô Tiên Dung đọc trong ngày ra trường khóa 61-66. Và biết bao nhân tài của trường Dược kể sao cho hết.



Đầu năm 1963, giáo sư Lê Văn Thới của trường Khoa Học lên làm Viện Trưởng thay giáo sư Nguyễn Quang Trinh, nay chỉ còn giữ một chức vụ Bộ Trưởng Giáo Dục. Ông Thới cổ võ việc hiện đại hóa nền đại học, và khuyến khích các giáo sư đặt trọng tâm vào khảo cứu. Và người ta bắt đầu để tâm đến tác phong nhà giáo. Khoa Trưởng Trương Văn Chôm lúc đó kiêm Chủ Tịch Tổng Hội Giáo Giới, cũng thật tâm muốn lãnh mạnh hóa ngành giảng huấn. Tôi có dịp gặp ông đi dạo chơi cùng bà vợ và con cái trên đường Nguyễn Huệ. Ông yêu cầu tôi nhận dạy thêm Thực Tập Vật Lý cho lớp Dược Khoa năm cuối, thay thế giáo sư Hùng, tại Bệnh Viện Đô Thành, gần Bùng Bình. Lại một trách nhiệm mới mà tôi phải tạm giữ cho đến khi giáo sư Đặng Vũ Biền về nước.

Thời gian này, chính trường miền Nam sôi động với phong trào đấu tranh của Phật giáo. Như các công chức khác của Đệ nhất Cộng Hòa, giáo chức đại học cũng được đi hay phải đi học tập lớp Ấp Chiến Lược. Chiến dịch lập Ấp này qui mô hơn việc tạo lập các Khu Trù Mật trước kia. Chúng tôi ăn ở trong trại tại Suối Lò Ô gần Biên Hòa khoảng một hai tuần lễ. Trại được thiết lập trên một mảnh đất rộng, gồm nhiều dãy lều với giường vải, và đủ các hàng quán ăn uống. Tôi nằm gần giáo sư Chôm, cùng với các Đồng Lý, Chánh Văn Phòng bộ Giáo Dục... Lúc học về quốc sách Ấp Chiến Lược, tôi thường ngồi cùng các giáo sư Nguyễn Thế Minh, Nguyễn Mạnh Hùng, Lê thành Trị...

Nhiều nhân viên cao cấp của chính phủ đã đến lớp giảng dạy, và dùng những danh từ thật độc đáo. Bộ

trường Nguyễn Quang Trinh nói về chiến lược hóa ngành giáo dục. Đề tài khó mà hiểu được đến nơi. Trung tướng Trần Ngọc Tám nói về du kích chiến. Ông rất am tường đề tài nên bài giảng của ông rất hay. Chỉ tiếc rằng lúc này ông đang mắc vào vụ Cẩm Nhung bị tạt acid nên cử chỉ của ông không được tự nhiên cho lắm. Bộ trưởng Công Dân Vụ Trương Công Cửu nói về tự túc tự cường. Là một nhà văn tài ba lỗi lạc, ông đưa ra những khẩu hiệu như "Tam túc, tam giác, tam nhân". Đại khái người ta chỉ cần ba điều cho có đủ, ba điều đã hiểu biết đến nơi, là thành người công dân ích lợi cho xã hội bấy giờ. Ông mô tả thật hay những đứa trẻ lem luốc nhưng vui chơi hồn nhiên nơi bùn lầy nước đọng, mong hình ảnh này làm người nghe tin tưởng ở sức sống và tương lai dân tộc Việt.

Nhiều buổi học còn có sự hiện diện của ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Ông Nhu thỉnh thoảng tới góp ý kiến hay cho chỉ thị. Có lúc ông nói rất nhiều, nhưng thật chúng tôi chẳng lĩnh hội được bao nhiêu. Một lần ông nói sấm sét trên trời chứa biết bao nhiêu là điện lực, nếu ta biết cách thu giữ lại thì dùng sao cho hết? Ai nấy chú tâm ghi chép, nhưng có lẽ chỉ làm ra vẻ ghi chép thôi. Giáo sư Minh, Hùng và tôi thường kháo nhau không hiểu mấy vị cao cấp ngồi đầu ghế ghi lại được những chữ gì trên mặt giấy? Khi trực thăng đưa ông Cố Vấn ra về còn lùa bụi lên mù mịt, những vị này thường đứng đợi cho đến lúc ông khuất bóng mới trở lại giảng đường. Dẫu sao chúng tôi hiểu lơ mờ rằng không có viện trợ Mỹ thì nền Đệ nhất Cộng hòa vẫn có thể tự túc để tồn tại được. Giáo sư Hùng là người có ý thức chính trị sắc bén nhất trong nhóm chúng tôi, nói là tình hình nghiêm trọng lắm rồi. Một hai tuần trước có việc cấm treo cờ Phật giáo nhân ngày Phật Đản tại Huế, rồi các phong trào tranh đấu chống chính phủ gia tăng nhanh chóng. Một hôm đang học tập thì các giáo sư đại học được yêu cầu ra thông cáo ủng hộ đường lối chính phủ trong vụ Phật giáo. Lại họp hành, thảo luận, rồi đi tới việc bỏ phiếu kín nên hay không nên ra thông cáo này. Giáo sư Nguyễn Đăng Thục, nguyên Khoa Trường Văn Khoa có đề nghị rằng phiếu sẽ được đốt ngay sau khi kiểm để tránh việc truy tầm ai bỏ thuận ai bỏ chống. Lúc này không ai bàn với ai cả, và tự tìm hiểu lấy. Mấy vị kiểm phiếu viên được bầu ra, và cuối cùng phe chống ra thông cáo ủng hộ chính phủ may mắn hơn được có một phiếu. Lớp học được bế mạc sau đó, và chiều ngày 5 tháng 6 tôi ra về thì nhà tôi sinh cháu trai đầu lòng tại Bệnh Viện St Paul.

Từ đó, việc giảng dạy thêm một phần khó khăn. Rồi tới vụ tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức, các vụ tăng ni Phật tử xuống đường. Gần đến ngày cách mạng, sinh viên các trường bãi khóa không vào lớp học. Năm thứ ba Dược có chị Bùi thị Hậu Phúc tức bà dược sĩ Bùi Hồng đứng lên yêu cầu nghỉ học, trong giờ học của giáo sư Vũ Ngọc Trân. Mấy hôm sau có tin chị ấy bị bắt. Tôi tới trường sợ vào lớp dạy chắc cũng bị ném đá, nên ra ngồi dưới gốc cây. Có sinh viên yêu cầu tôi từ chức và cho tôi biết là các giáo sư Phạm Biểu Tâm, Vũ Văn Mẫu đã từ chức cả rồi. Riêng Ngoại trưởng Mẫu còn cạo trọc đầu phản đối.

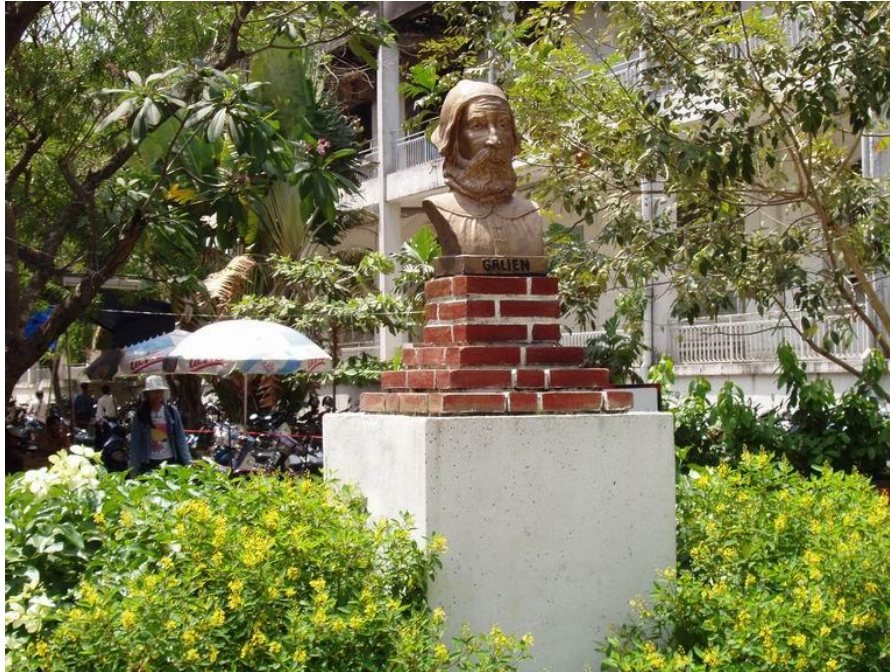
Cách Mạng 1/11/63 khởi đầu lúc 1 giờ trưa và tôi không nhớ rõ đang ở đâu và làm gì. Chỉ biết có theo dõi tin tức qua đài phát thanh. Vào ngày hôm sau, lúc gần trưa, đài loan tin cách mạng thành công. Người dân tràn ra đường phố đông nghẹt, vì hiếu kỳ cũng có và vì thấy mọi chuyện yên ổn rồi cũng có. Chúng tôi đang lái xe về hướng chợ Bến Thành để thăm thú tình hình thì được tin đài phát thanh cho biết Tổng Thống Diệm và ông Nhu đã chết ngay trên xe đưa các ông về Tổng Tham Mưu. Nền Đệ nhất Cộng hòa với bao hi vọng ban đầu nay đã chấm dứt quá bi thảm.

Trường Dược thời hậu cách mạng 1/11

Ngay ngày sau tới trường, tôi thấy cả một bầu không khí tưng bừng mừng cách mạng thành công. Tại văn phòng, người ta nói Khoa Trường Chôm cùng một vài vị liên hệ với Cần Lao như dân biểu Trần Tấn Thông, giáo sư Đào Hữu Giao đã bị bắt... Các giáo sư Vũ Ngọc Trân, Nguyễn Vĩnh Niên, Trần Ngọc Tiếng, Nguyễn Mạnh Hùng, Phan Thế Trân và tôi đang ở trong phòng Khoa Trường thì nhân viên báo là có hai Tướng Dương Văn Minh và Lê Văn Kim tới thăm. Tướng Minh nói là muốn lấy lại trường sở 169 Công Lý này, và sẽ cho tu sửa thành Cộng Hòa số 41 Cường Để làm trường sở mới cho Dược Khoa. Đây là lần đầu tiên tôi được diện kiến với Tướng Minh, ông nói chúng tôi muốn gì cũng được, rồi Công Binh sẽ thực hiện. Tướng Kim nhỏ nhắn trông học thức hơn, nhưng ông không nói câu nào. Sau khi thăm các phòng thí nghiệm, hai ông lên chiếc xe Citroen đen ra về. Cũng có người nói trường Dược là nhà cũ của tướng Salan, tiện đường ra phi trường, điện thoại liên lạc rất tinh vi, nên các ông muốn lấy lại.

Lúc này, Chuẩn tướng Công Binh Phạm Đăng Lân còn đang theo học Dược, nên sự tu bổ trường sở mới

có phần dễ dàng hơn.... Chính phủ lâm thời với Thủ Tướng Nguyễn Ngọc Thơ và giáo sư Phạm Hoàng Hộ làm Tổng Trưởng Giáo Dục, đã bổ nhiệm giáo sư Niền làm Khoa Trưởng. Vì việc này trái với quy tắc tự trị đại học, nên hội đồng khoa phải nhóm họp gấp để chính thức bầu hai giáo sư Nguyễn Vĩnh Niền và Trần Ngọc Tiếng trong chức vụ Khoa Trưởng và Phó Khoa Trưởng. Riêng giáo sư Hùng đã buộc giáo sư Niền hứa sẽ giữ ông lại giảng dạy mới chịu ký vào biên bản.



Câu chuyện trên bắt đầu từ lúc giáo sư Chôm không trở về trường nữa. Khi bác sĩ Vương Quang Trường lên làm Tổng Trưởng Y Tế, thì giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng được yêu cầu trở lại quân đội, vì ông nguyên là Dược Sĩ Trung Úy hiện dịch. Lý do chính là sinh viên không mấy ưa thích lối giảng dạy và hỏi thi của ông. Nhưng cũng có nhiều sinh viên ký kiến nghị giữ ông ở lại. Rút cục nhóm yêu cầu ngưng chức ông thảng thễ và quân cảnh đã dẫn độ ông về quân y. Ông phải đi phục vụ tại vùng Bến Hải, rồi sau được Tướng Nguyễn Chánh Thi đưa về làm giáo sư của Đại Học Huế. Giáo sư Chu Phạm Ngọc Sơn của trường Khoa Học đã thay thế ông giảng dạy môn Hóa Học Hữu Cơ cho Dược Khoa.

Chính trị đã đưa giáo sư Chôm lên đỉnh danh vọng, nhưng rồi chính trị lại mang ông xuống đất đen. Nghĩ mà buồn cho cuộc thế. Ông sinh năm 1923 tại Phan Thiết, nguyên là Tổng Thư Ký Hiệp Hội Sản Xuất Nước Mắm Bình Thuận. Làm luận án Khảo Cứu về Nước Mắm với giáo sư Dumazert, ông nghiên cứu các cơ chế phản ứng và thành phần sinh hóa của nước mắm bởi sự phân giải cá nục, cá mè, cá cơm. Ông còn có mục đích khuyến khích ngành tiểu công nghệ này trở thành công kỹ nghệ. Ông đậu Tiến Sĩ Quốc Gia Dược Khoa tại trường Y Dược Marseille vào năm 1954. Về nước, giáo sư Chôm nhận làm Giảng Sư trường Y Dược Sài Gòn và là chủ nhân Viện Bào Chế Vanco. Ông có tướng ngũ đoản, rất hoạt bát, vui vẻ phúc hậu, có tài tổ chức và điều khiển. Ông rộng rãi với nhân viên và rất tốt với đồng nghiệp. Khi giáo sư Nguyễn Phú Lịch về thăm nhà vào năm 1963, giáo sư Chôm đã không ngần ngại ký giấy bảo lãnh để giáo sư Lịch có thể được phép trở lại Pháp trình luận án. Ngoài chức vụ Khoa Trưởng trường Dược, ông còn là Chủ Tịch Tổng Giám Đốc Công Ty Vinaspecia và Chủ Tịch Tổng Hội Giáo Giới. Không có giáo sư Chôm, chắc còn lâu trường Dược mới trở thành một phân khoa độc lập. Ông thật xứng đáng với danh vị Khoa Trưởng đầu tiên, công của ông chắc không ai phủ nhận. Mấy năm sau ông có trở lại dạy tại trường, kể cả dạy chứng chỉ đệ tam cấp Kỹ Thuật Lý Hóa cùng với giáo sư Biên và tôi, nhưng có lẽ ông không còn nhiều hứng thú trong ngành giảng huấn.

Sau cách mạng, tôi trở lại giảng dạy Sinh Hóa thay giáo sư Chôm, và giáo sư Phạm Văn Tắt thay tôi trong môn Hóa Vô Cơ. Tôi còn dạy thêm môn Hóa Dược, cùng với giáo sư Hồ Đắc Ân. Nội tình miền Nam hỗn loạn với những chỉnh lý, đảo chánh, biểu dương lực lượng, cho đến việc thành lập chính phủ

quân nhân 1965. Về sau mới thấy hai giáo sư Niên và Tiếng khó làm việc chung vì không hợp tính nhau. Giáo sư Tiếng trở thành ông bầu về Thể Thao cho sinh viên. Bóng bàn, bóng rổ, quần vợt. Có lần tôi tham dự giải bóng bàn giữa các giáo sư Dược và Khoa Học do ông tổ chức tại trường. Giáo sư Thái Tường đoạt giải đánh đơn, nhưng các giáo sư Khoa Học thắng giải toàn đội. Khi những phòng thí nghiệm mới, các giảng đường lớn, thư viện, vườn dược thảo, phòng sinh hoạt sinh viên được xây cất ngay trong khuôn viên đại học, thì một số giáo sư tu nghiệp hay tốt nghiệp từ Pháp cũng lần hồi trở về. Giáo sư Đặng Vũ Biên dạy Vật Lý và phụ trách phòng thực tập tại lầu hai. Giáo sư Nguyễn Thị Lâu dạy về Thực Vật và Ấn Hoa học. Giáo sư Nguyễn Văn Hượi chia với tôi giảng dạy môn Sinh Hóa.

Những năm sau có giáo sư Nguyễn Hạc Hương Thư giảng dạy môn Dược Lực Học, giáo sư Trương Mạnh Khải giảng dạy môn Sinh Lý Học. Và giáo sư Nguyễn Hiệp cùng giảng dạy Dược Liệu Học với giáo sư Nguyễn Văn Dương. Từ nay, trường có tuyển thêm giảng viên trưởng, giảng viên, giảng viên dạy giờ nên nhân viên giảng huấn cũng tạm đủ cho một số ban đã được thiết lập. Là trưởng ban Sinh Hóa, tôi coi thêm phần thực tập cho năm cuối. Thật may vì tôi được các giáo sư Quản Trọng Lạng và Phạm Huy Chương, và vào năm 1967, có thêm giáo sư Nguyễn Lê Thi phụ tá cho tôi. Phòng thí nghiệm này gồm Sinh Hóa Học, Thủy Học, Độc Chất Học và Thực Phẩm Học. Giáo sư Lạng hòa nhã và có tài tổ chức, giáo sư Chương giỏi và chăm chỉ. Giáo sư Lê Thi tuy mới ra trường nhưng rất xuất sắc, về sau còn phụ trách giảng dạy thêm phần lý thuyết Sinh Hóa. Riêng ông Huỳnh Văn Tư nghiệp chế viên cũng đắc lực từ khi phòng được thành lập cho tới khi trường cho ông nghỉ việc năm 1973 vì có liên hệ với cộng sản.

Vào năm 1966, hội đồng khoa bầu giáo sư Niên làm Khoa Trưởng và giáo sư Biên làm Phó Khoa Trưởng. Hai ông được bầu lại trong chức vụ nhiều lần cho tới đầu năm 1975. Giáo sư Niên hiền hậu, siêng năng, cẩn thận và ưa việc hành chánh. Cuối năm 1974, ông được bổ nhiệm Phó Viện Trưởng Học Vụ Viện Đại Học Sài Gòn, với giáo sư Viện Trưởng Nguyễn Ngọc Huy. Giáo sư Biên nhiều tài ba và sáng kiến, ưa hoạt động xã hội từ khi ông còn là sinh viên Hà Nội. Ông là Chủ Tịch Dược sĩ Đoàn trong nhiều nhiệm kỳ, và năm 1968 làm Đồng Lý Văn Phòng Bộ Quốc Gia Giáo Dục thời Tổng Trưởng Nguyễn Văn Thơ. Từ sau cách mạng, văn phòng nhà trường được Tổng Thư Ký Huỳnh Văn Quý điều hành hoàn hảo và liên tục cho đến ngày Sài Gòn đổi chủ. Ông Vương Trọng Tị coi Thư Viện, ông Oánh, bà Tiền... phòng Học Vụ, ông Đát các giảng đường.

Trước tết Mậu Thân 1968, trường có ý định thêm vào chương trình dược khoa các chứng chỉ đệ tam cấp đưa đến việc làm khảo cứu và luận án Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp. Sau khi chờ đợi mãi, có lẽ dự thảo nghị định thiết lập đã bị bỏ quên tại một ngăn tủ nào đó, tôi phải đích thân lên Bộ để xin ban hành. Tôi muốn kể lại một chuyện bên lề ở thời điểm này. Đang lúc tôi chấm thi khóa hai năm 1968, thì giáo sư Niên đưa cho nghị định của Viện hủy bỏ tên tôi trong phái đoàn đi quan sát nền giáo dục đại học Hoa Kỳ của Viện Đại Học Sài Gòn, Huế, Cần Thơ, Đà Lạt và Vạn Hạnh. Thật là quá chán ngán. Lên Bộ thì nói tùy Viện, xuống Viện thì bảo tùy Bộ. Lý do là không có tiền Viện Trợ Mỹ! Thế mà người tôi chưa từng quen biết, ông Hoàng Sĩ Bình, phụ tá cho cố vấn Hoshall, nói hộ giúp tôi thì việc lại xong. Tuy đại học được tự trị, nhưng nhiều thủ tục hành chánh quả là lỗi thời. Nhất là về vấn đề xuất ngoại du học hay tu nghiệp. Được trường chấp thuận hay đề cử chỉ là bước nhỏ ban đầu. Trở lại chương trình đệ tam cấp. Chứng chỉ đầu tiên là Kỹ Thuật Lý Hóa. Sự thành công của chương trình này do một số giáo sư tại trường đã không ngần ngại ghi danh theo học: các giáo sư Nguyễn Đại Dương, Huỳnh Hữu Tạo, Quản Trọng Lạng, Phạm Huy Chương, và một số dược sĩ xuất sắc lúc đó: Lê Phục Thủy, Hoàng Ngọc Giao. Chúng tôi đã nhiều lần cùng học tập trong khi Sài Gòn còn đang bị pháo kích! Chứng chỉ thứ hai là Sinh Học Cao Cấp do các giáo sư Phan Thế Trân, Nguyễn Hạc Hương Thư, Nguyễn Vĩnh Niên có thêm các giáo sư tại trường theo học như Nguyễn Lê Thi, Đỗ Thị Thuần Bích. Chứng chỉ thứ ba là Vi Trùng Học Thâm Cứu có các giáo sư Trần Ngọc Tiếng, Trương Mạnh Khải, Nguyễn Hiệp phụ trách. Các bạn Dương, Tạo, Lê Thi, Thuần Bích, Lý Công Tuấn... sau này đã hoàn tất luận án Tiến Sĩ Dược Khoa Đệ Tam Cấp.

[\(Xem tiếp phần hai\)](#)

Trường Dược thời đệ nhị cộng hòa

Thời đó nam sinh viên, nếu không đậu vào đại học y nha dược khoa, thường bị gọi đi quân dịch. Tôi chắc có giáo sư và sinh viên còn ít nhiều kỷ niệm khó quên về kỳ thi nhập học dược khoa. Các sinh viên có bằng tú tài hai, Pháp hay Việt, đều được phép dự thi tuyển. Thông thường, mỗi kỳ thi có cả năm bảy ngàn thí sinh. Ba bài thi là Lý Hóa, Vạn vật, và Sinh Ngữ. Thi kiểu trắc nghiệm, gồm mười câu hỏi ngắn. Lý Hóa, Vạn Vật hệ số hai. Sinh Ngữ, có thể chọn hoặc Anh hoặc Pháp, hệ số một. Chính vì số lấy đậu rất ít nên điều tiếng về việc ăn tiền, gian lận trở thành rất nhiều. Tôi không phải muốn trần tình cho trường, nhưng nhân đây kể lại một hai câu chuyện liên hệ đến thi tuyển.

Chuyện thứ nhất vào năm 1972 là một chuyện buồn. Tôi lúc đó làm chánh chủ khảo, nhưng thường chỉ trông coi ban Lý Hóa mà thôi. Buổi sáng hôm thi tuyển, ban Lý Hóa chúng tôi mỗi người ngồi lựa một hay hai trong mười câu hỏi để buổi trưa đánh máy rồi in ra đề cho thí sinh thi buổi chiều. Như vậy đề thi khó có thể bị tiết lộ. Giáo sư Nguyễn Bình Tiên ngồi bên tôi bỗng ghen ngào nói như khóc là chúng tôi rất bất nhẫn khi bắt ông phải chấm kỳ thi tuyển này. Ông trách chúng tôi không giúp đỡ một ai nên cậu con trai ông kỳ trước không đậu, phải đi quân dịch. Ông vừa được tin con bị mất tích hay đã trở thành tù binh cộng sản tại Quảng Trị. Ai nấy đều bàng hoàng. Tôi chỉ còn cách xin ông cứ về nghỉ ngơi, miễn phải chấm kỳ này, và cầu chúc con ông sớm được yên ổn trở về. Ông ở trong ban giám khảo mà cũng không giúp được con mình thi đậu. Chính vì việc này mà về sau hội đồng khoa đặc cách chấp thuận cho giáo sư có thể xin một chỗ cho con học để sau tiếp nối trông coi dược phòng của mình. Con số này sẽ không tính vào số sinh viên được phép tuyển lựa. Nhưng chưa thấy đã có trường hợp ngoại lệ nào như vậy.

Chuyện thứ hai là những việc vui. Trường thường phải mượn thêm nhiều trung tâm giáo dục để tổ chức kỳ thi tuyển. Khi phong trào tranh đấu sôi sục, chúng tôi lo sợ nhất là ngày thi bị người ta quấy phá. Năm tôi trông các phòng thi tại trường Văn Khoa, giáo sư Niền cho biết có thể không thi được vì sẽ bị ném đá. May có giáo sư Nguyễn Cộng Hòa phụ tá tôi đã rất đặc lực trong việc điều hành. Và với sự tích cực của toàn thể nhân viên giảng huấn, chưa hề có lần nào trường phải cho thi tuyển lại. Cũng thời gian ấy, giáo sư Đào Hữu Giao có nói với tôi là chuyện ăn tiền trong kỳ thi tuyển chắc chắn có đấy. Vì ông lúc ấy còn là Dân Biểu nên rõ hơn tôi. Giáo sư Nguyễn Ngọc Sương bên Khoa Học cũng thắc mắc về vấn đề này. Tôi có mời cả hai giáo sư làm việc trong ban Lý Hóa và dự chấm kỳ thi tuyển, từ lúc lựa đề thi, làm bảng chấm điểm, cho đến lúc tuyên bố kết quả. Sau đó cả hai giáo sư đều công nhận tổ chức thi chặt chẽ như vậy thì khó gian lận lắm. Nhưng nếu có chuyện ăn chặn hay ăn có, thì thật không cách nào tránh cho hết được.

Vào năm 1972, trường Dược nhận thấy cần phải đào tạo những dược sĩ sao cho theo kịp đà tiến triển của ngành Dược trên thế giới, cùng đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng và xã hội lúc đó. Muốn đạt mục tiêu này, những ngày Hội Thảo Dược Khoa đã được tổ chức tại trường. Việc ẩm thực cho các hội thảo viên có sự giúp đỡ của các bà trong Hội Phụ Nữ Thiện Chí. Cuộc hội thảo nhiều ngày quy tụ rất nhiều dược sĩ đại diện đủ mọi ngành. Ngoài các giáo sư trường Dược còn có nhiều dược sĩ uy tín trong ngành Quân Y và Bộ Y Tế. Và các dược sĩ tên tuổi của ngành bào chế Việt Nam như Nguyễn Thị Hai, Dương Thành Quới, Nguyễn Chí Nhiều, Nguyễn Phạm Ấn, Bùi Đình Nam. Trước hết là xem xét lại khả năng của các dược sĩ do trường đào tạo có thích hợp với các nhu cầu dân sự và quân sự thời điểm đó không. Những khuyết điểm nào cần huấn luyện bổ túc? Làm thế nào cập nhật hóa kiến thức? Hiện đại hóa việc giáo dục dược khoa cách nào?

Cuộc hội thảo được chia làm nhiều khu vực mà người dược sĩ hoạt động hay phục vụ, mỗi khu vực có một chủ tọa và hai ba điều hợp viên. Thuyết trình, thảo luận rồi đúc kết. Trong chương trình còn có các cuộc thăm viếng một số cơ sở y tế và viện sản xuất dược phẩm. Bộ Y tế có Đồng Lý Trần Văn Nhiều, Giám Đốc Nha Dược Khoa Nguyễn Đức Trang, Quân Đội có Dược sĩ Trung Tá Cao Thiện Chánh, các Dược sĩ Thiếu Tá Nguyễn Phúc Bửu Tập, Phạm Kỳ, Thí Nghiệm có giáo sư Nguyễn Hạc Hương Thư, Bán Lê có giáo sư Thái Tường, Nhập Cảng có các dược sĩ Phan Nhân, Lâm Xuân Quang. Tôi được yêu

cầu điều khiển phân hội thảo về ngành Sản Xuất, đồng chủ tọa với dược sĩ Dương Thành Quới, Chủ Tịch Nghiệp Đoàn này. Tôi cảm thấy phấn khởi vì sự góp mặt cùng tài năng của các dược sĩ Bộ Y tế như Dương Quang Nhân, Phạm Doãn Huệ, Nguyễn Tiến Đức, Mai Duy Cát... Nhất là trong việc điều hành và ghi các đề mục, các thảo luận, các biên bản. Người ta nhận thấy ngay sự cần thiết của môn quản trị và kỹ thuật trong ngành bào chế, của ngành thí nghiệm trong các viện khảo cứu hay nhà thương, của việc bảo trì trong các cơ quan tiếp liệu quân và dân y, và kiến thức dược học trong việc phục vụ cộng đồng. Thêm vào đó là nâng cao trình độ sinh ngữ để người dược sĩ có thể dễ dàng giao dịch với các hãng ngoại quốc.

Bản đúc kết từng phần rồi tổng kết những ngày Hội Thảo Dược Khoa đã được in ra. Không hiểu tài liệu quý giá này bây giờ còn không và ở đâu? Một số các điều được mọi giới khuyến khích từ ngày đó đã dần dần được áp dụng. Quyển chương trình Dược Khoa đầu tiên với chi tiết của từng môn học đã do các giáo sư viết lại. Nếu phải tóm lược về chương trình thì trước 1962 theo chương trình Pháp, sau đó thay đổi nhiều lần. Vào thời gian 1962-69 có thêm môn Toán Xác suất và Thống kê, với những năm 1969-74 thì các môn tập sự/thực tập đều thực hiện ngay tại nhà trường kể cả việc bào chế tại Dược phòng lẻ, và từ niên khóa 1974 năm cuối Dược khoa được chia làm ba ngành Thí Nghiệm, Cộng Đồng, Kỹ Nghệ. Ngành Thí Nghiệm được sự hỗ trợ của nhiều giáo sư thỉnh giảng từ Viện Thí Nghiệm Trung Ương, Trung Tâm Tiếp Huyết, Nhà Thương Nguyễn Văn Học, Viện Pasteur, Trường Y Khoa Sài Gòn và Minh Đức: các bác sĩ Bạch Toàn Vinh, Trịnh Văn Chính, Cao Xuân An, Nguyễn Đức Hạnh, các giáo sư Lê Phục Thủy, Nguyễn Tiến Đức... Riêng ngành Dược Khoa Kỹ Nghệ chỉ nhận chừng 40 sinh viên mỗi năm, trường đã xây phòng thực tập và mua dụng cụ thí nghiệm mới. Giáo sư Nguyễn Hiệp làm trưởng ban, với một giảng viên rất tài ba vừa được tuyển chọn là giáo sư Phạm Ngọc Lân.



Trường Dược những tháng cuối của đệ nhị cộng hòa

Vào mùa đông năm 1974, rất nhiều giáo sư trường Dược được cử đi tu nghiệp từ ba tới sáu tháng tại Pháp, kể cả Khoa Trưởng Niên và Phó Khoa Trưởng Biên. Lúc đó giáo sư Niên còn kiêm nhiệm Phó Viện Trưởng Học Vụ tại Viện Đại Học Sài Gòn. Tình hình đất nước bấy giờ rất đen tối, ai cũng lo lắng không biết tương lai rồi sẽ ra sao. Tôi được bổ nhiệm làm Xứ Lý Thường Vụ Khoa Trưởng, công việc không có gì bận rộn, ngoài những chuyện xã giao như nhận sách giáo khoa do Pháp viện trợ, tiếp đón phái đoàn Pháp về điện toán trong việc ghi danh sinh viên, hay thỉnh thoảng họp hành tại Viện hay tại Bộ.

Nhưng gần như tôi không dùng công xa, một chiếc Ford Falcon đen cũ kỹ. Người tài xế của trường nặng gánh gia đình với chín đứa con đã có thì giờ chạy taxi kiếm thêm.

Tuy vậy, thời gian này cũng có một vài tin đồn vui vui. Đất nước rồi sẽ hòa bình trở lại, và có nhiều quốc gia sẽ viện trợ tái thiết. Viện Trường Nguyễn Ngọc Huy lúc đó hay rủ tôi và một vài Khoa Trường, thường là giáo sư Lê Thành Trị, cùng đi với ông thăm viếng các trại gia binh vì một mai những trại này sẽ được biến cải thành Khu Đại Học, có cả nơi ăn chốn ở cho sinh viên. Gia đình binh sĩ sẽ dời ra ngoại ô thành phố, trong các chung cư mới. Trường Dược Khoa có thể được Đan Mạch viện trợ cả chục triệu mỹ kim để xây trường sở, giảng đường, phòng thí nghiệm, cư xá sinh viên.

Nhưng nhiều tin thật thì rất xấu. Khi Phước Long là tỉnh đầu tiên bị mất hồi đầu năm 1975, nhà trường có làm lễ truy điệu những dân quân cán chính vị nước vong thân. Bàn thờ tổ quốc được bày ngay tại giảng đường lớn. Tôi làm chủ tế và đọc bài văn do Tổng Thư Ký Huỳnh Văn Quý soạn trước. Có hai giáo sư Trần Ngọc Tiếng và Phan Thế Trân phụ tế. Buổi lễ đơn giản mà cảm động, tuy chỉ có một số nhân viên, giáo sư và sinh viên đến dự.

Tết năm đó, trường tổ chức mừng tân niên theo thông lệ, có cây Mùa Xuân, diễn văn chúc tụng, lì xì, nhân viên và ban giảng huấn cùng ăn uống buổi trưa. Tôi còn được dự tết cùng ban Văn Trùng của giáo sư Tiếng, và được nghe lần đầu tiếng đàn guitar điều luyện của giáo sư Phạm Ngọc Lân. Ban Sinh Hóa do giáo sư Lạng tổ chức tại một nhà hàng cũng vui nhộn không kém, có đến hơn hai chục người tham dự. Nhiều ban khác đều tổ chức riêng mừng Xuân, tuy không khí chiến tranh vẫn lảng vảng đâu đây.

Từ cuối 1974 trường đã có nhu cầu bầu một ban lãnh đạo mới. Nhưng bầu theo thể thức nào? Mỗi phân khoa của Viện Đại Học đều có lẽ lối riêng, mỗi trường một luật lệ. Trường Dược muốn tránh việc ứng cử bất ngờ, việc đề cử bị ép buộc, hay cuộc bầu cử không được chuẩn bị chu đáo từ trước. Vấn đề này phải đợi tới khi các giáo sư Niên, Biền, Thái Tường và Hương Thư đang tu nghiệp hay công cán tại Paris trở về. Riêng giáo sư La Thành Trung vì bận chức vụ Chủ Tịch Hội Hồng Thập Tự Việt Nam, và giáo sư Nguyễn Đại Dương đang làm luận án với giáo sư Dumazert tại Marseille nên không có mặt trong hội đồng khoa.

Sau mấy tháng thảo luận và hội ý rộng rãi với tất cả nhân viên giảng huấn, một thể thức đã được chấp thuận. Hội đồng khoa sẽ bầu ra Khoa Trường, và hai Phó Khoa Trường, một về Học Vụ, một về Kế Hoạch và Phát Triển. Nhiệm kỳ là ba năm. Hội đồng khoa gồm tất cả các giáo sư, và đại diện các ngành giảng nghiệm trưởng, giảng nghiệm viên. Tùy theo số người, mỗi ngành này có thể cử ra một số đại diện. Danh sách ứng cử viên phải được phổ biến và báo lên viện một tháng trước khi bầu cử. Và không chấp nhận bầu liên danh.

Biên bản số 5/75 của Hội Đồng Khoa có chữ ký của giáo sư Nguyễn Vĩnh Niên chủ tọa và giáo sư Đặng Vũ Biền thư ký ghi lại phiên họp Hội Đồng Khoa ngày 4 tháng 4 năm 1975. Có 19 vị giáo chức tới dự phiên họp: Nguyễn Vĩnh Niên, Đặng Vũ Biền, Tô Đồng, Trần Ngọc Tiếng, Phan Thế Trân, Nguyễn Hạc Hương Thư, Nguyễn Thị Lâu, Trương Mạnh Khải, Nguyễn Hiệp, Võ Phi Hùng, Nguyễn Văn Trang, Nguyễn Bình Tiên, Châu Thanh Thủy, Huỳnh Hữu Tạo, Nguyễn Lê Thi, Đỗ Thị Thuần Bích, Nguyễn Văn Dương, Trương Bá Trước, Lý Công Tuấn. Hai giáo sư Nguyễn Thị Lâu và Nguyễn Bình Tiên được đề cử làm kiểm soát viên kiểm phiếu. Tôi đắc cử Khoa Trường, giáo sư Võ Phi Hùng và giáo sư Phan Thế Trân đắc cử Phó Khoa Trường, tất cả đều được đắc cử trong vòng đầu với đa số tuyệt đối.

Trong thâm tâm tôi không có ý định ứng cử Khoa Trường. Người mà tôi nghĩ rằng ở vị thế thuận lợi hơn tôi và sẽ làm cho trường phát triển mạnh mẽ là giáo sư Võ Phi Hùng, trưởng ban Hóa Dược Học. Ông yêu nghề, có tài tổ chức, nhiều nhiệt tâm, tính tình nghiêm cẩn. Với giáo sư Phan Thế Trân thông minh, quảng giao và nhiều sáng kiến, việc Kế Hoạch và Phát Triển sẽ tiến hành dễ dàng. Tiếc rằng chúng tôi

không có cơ hội làm việc chung.

Chương trình dài hạn thì nhiều tuy chưa chắc thực hiện được. Cần kiện toàn phòng học vụ, in lại học bạ. Cổ tuyển được nhân viên giảng huấn giỏi, và kiếm hết cách cho giáo sư được đi tu nghiệp. Cần xác định ngay danh từ khoa học được khoa của từng bộ môn, tuy đã có sẵn Ủy Ban Soạn Thảo Danh Từ Khoa Học. Khuyến khích việc viết và ấn hành các sách giáo khoa tiếng Việt. Nên tăng cường sự liên hệ giữa nhà trường và kỹ nghệ được phẩm. Vân vân và vân vân... Nhưng việc trước mắt cũng thôi đành chịu. Muốn tổ chức gấp rút kỳ thi tốt nghiệp cho năm cuối, để sinh viên sau 5 năm học đỡ thiệt thòi mà không kịp. Muốn tìm phương tiện để cùng tránh cơn binh lửa cũng không xong. May mắn là giáo sư Lý Công Tuấn sau mấy năm tôi hướng dẫn đã trình xong luận án Tiến sĩ đệ tam cấp Sinh Hóa vào ngày gần chót, báo Chính Luận còn đăng được tin này. Chính Phủ thay đổi đột ngột, giáo sư Nguyễn Duy Xuân lên làm Bộ Trưởng Giáo Dục thay được sĩ Ngô Khắc Tĩnh. Sài Gòn Chợ Lớn đang dần trở thành một thành phố chết. Tin tức loan báo khi mất Huế, Đà Nẵng rồi Nha Trang và lối bình luận một chiều của đài BBC làm tan rã cả một chế độ. Làm sao ra khỏi Sài Gòn bây giờ? Mạnh ai nấy chạy, tìm cách thoát thân. Cuối cùng do Khoa Trưởng Y Khoa Vũ Quý Đài giới thiệu, chúng tôi còn hi vọng Tiến sĩ Ira Singer, cố vấn cho Y Khoa Sài Gòn, có thể giúp một số nhân viên trường Được muốn đi di tản. Vào ngày 16 tháng 4, tôi và giáo sư Trần Ngọc Tiếng đánh máy danh sách, xé bỏ giấy carbon, đưa ông Ira Singer một bản, tôi giữ một bản. Ông Singer có hứa sẽ nhờ tòa đại sứ Mỹ lo, nhưng có lẽ đã quá trễ.

Phần tôi cũng tìm thêm nhiều đường. Nghĩ bụng phải thoát khỏi Việt Nam đã, khi đất nước tự do thật sự mình còn có cơ trở về. Được sĩ Dương Thị Đây tức bà Nguyễn Chí Nhiều nói chúng tôi có thể vô nhà bác sĩ Dương Quỳnh Hoa ở tạm tránh lúc giao thời. Giáo sư Huỳnh Hữu Tạo tính cho cùng trốn xuống miền Hậu Giang, chờ đến khi có dịp ra ngoại quốc. Chúng tôi cũng có thể đi với ông anh là Trung Tá Vũ Nhân bằng tàu Hải quân, chạy với được sĩ Bùi Đình Nam bằng phương tiện Bộ Quốc Phòng, hay nhờ giáo sư Nguyễn Tiến Đức theo Bệnh Viện Cơ Đốc. Nhưng tôi vẫn có linh tính sẽ chạy được dù không biết cách nào và lúc nào. Tại vì ông Minh Lộc đường Trần Quý Cáp đã bảo thế! Tôi thường hỏi ông về tử vi hoặc nhờ ông gieo quẻ dịch mỗi khi có việc thắc mắc, mà việc nào cũng thấy nghiệm đúng. Tin như vậy, nên vào tối ngày 22 tháng 4, tôi và nhà tôi có tới nhà ông bà giáo sư Võ Phi Hùng ở 210 Yên Đổ Quận Ba để từ biệt trước.

Tôi buồn rầu nói là chúng tôi không có duyên làm việc cùng với nhau, chỉ cầu mong rồi ra mọi sự được bình an. Câu chuyện có vẻ như trong tiểu thuyết. Chiều ngày 23 tôi còn đi tìm giáo sư Trương Bá Trước tại được phòng ông, để bàn tính đổi điều về sinh hoạt sinh viên nhưng không gặp. Giáo sư Trước, vui vẻ, cởi mở, tuy là một đệ tử của Lưu Linh nhưng rất được sự ưu ái của sinh viên. Bất ngờ tôi gặp được sĩ Nghiêm Xuân Hàm trên đường Đinh Tiên Hoàng. Ông Hàm nhờ tôi kiếm một được sĩ để ông giao cho điều hành viện bào chế của ông, vì ông đang tìm cách ra đi. Nhưng tìm đâu ra người trong lúc dầu sôi lửa bỏng bấy giờ? Tôi về nhà thì nhận được điện thoại nói phải đi ngay. Ông Phạm Quang Toàn, anh cột chèo của tôi vì làm cho Cơ Quan Quân Sự Hoa Kỳ, đã xin dần được đủ chỗ cho cả nhà di tản rồi. Mấy anh chị em đã vô ở nhờ nhà kỹ sư Cung Tiến Công trong cư xá hàng không dân sự từ hôm trước. Tôi chở gia đình vào Tân Sơn Nhất thì thấy chỉ có ông Toàn làm cho DAO được vô trong, bà Toàn cùng hai cụ thân sinh bị giữ lại ở cổng. Tôi vội vàng đi tìm Đại Tá Đặng Hữu Hiệp coi An Ninh Không Quân, bà vợ và các con ông đã ra đi từ trước, nhưng ông phải ở lại với nhiệm vụ cho tới lúc chót. Ông ở nhà đang tắm, xong đã đích thân ra lệnh để lính cho vô. Thật là hú vía, nếu không có người bạn tốt này thì chúng tôi sẽ ra sao? Rồi tối hôm đó chúng tôi được chở vô phi đạo trên những xe bus quân sự màu vàng. Và những người lính Mỹ trẻ, rất tử tế, đã kéo chúng tôi lên ngồi sàn của những chiếc C130 nổ máy sẵn. Và máy bay vụt ra khỏi vùng trời Sài Gòn đang lấp lóa ánh đèn phố lẫn ánh hỏa châu.



Dược sĩ trên đường xa, xứ lạ

Kể từ đó, người may mắn tha phương trên con đường xa, cố nhập dòng với cuộc sống mới nơi xứ lạ. Kẻ không may kẹt lại rồi học tập cải tạo, hoặc vài năm sau đó liều mạng tìm cách vượt biên, cả đường bộ lẫn đường biển. Một số thoát được như thuyền nhân, nhưng cũng có giáo sư không may đã yên nghỉ trong lòng biển Thái Bình. Cùng thời gian, các nhân viên giảng huấn cũ đã ra đi gần hết, dùng đủ diện xuất ngoại. Chỉ còn rất ít giáo sư kỳ cựu ở lại với trường. Tại các nước ngụ cư, ngay lúc khởi đầu, giới dược sĩ đã cùng nhau tìm cách trở lại nghề cũ. Chỗ để chỗ khó. Vào năm 1980, nhiều hội đoàn được thành lập. Hội Ái Hữu Dược Sĩ Người Việt Hải Ngoại tại Paris với giáo sư Đặng Vũ Biên làm Chủ tịch, giáo sư Thái Tường làm Tổng thư ký. Hội Ái Hữu Dược Sĩ Canada với dược sĩ Lâm Xuân Quang Chủ tịch và dược sĩ Mai Tâm Tổng thư ký. Hội Dược Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ với tôi làm Chủ tịch và dược sĩ Trần Đức Hiếu Tổng thư ký. Kể từ đó có thêm nhiều hội ở mọi nơi, đưa đến những Đại hội Quốc Tế Dược sĩ và các sinh hoạt Liên Hội trong thế giới tự do. Tôi còn nhớ một phát biểu nhiệt tình về *Voeux et Espérances* của giáo sư Nguyễn Lê Thi tại Paris vào năm 1992. Dược sĩ thuộc đủ lớp tuổi, ai cũng mong đóng góp cho tập thể và quê hương. Câu chuyện trở thành bất tận. Và riêng tôi thật sự cảm phục sự cố gắng bền bỉ của giáo sư Đặng Vũ Biên và các dược sĩ Đỗ Thị Kim, Trần Đức Hiếu.

Qua những tin tức mà bè bạn kể lại, tôi cũng biết qua loa những chuyện xảy ra tại Sài Gòn thời đó. Nhà tôi số 3 Trần Doãn Khanh, được vị tân Khoa Trưởng là giáo sư Nguyễn Kim Hùng tiếp thu. Trường Dược nằm trong cơn gió lốc, với chính sách hồng hơn chuyên. Chính trị đã xen lấn thô bạo vào ngành giáo dục, và nền Đại Học đã mất đi tư thế tự trị. Mục tiêu chân thiện mỹ khó mà đạt được, và tính cách nhân bản, khoa học, đại chúng của một bộ môn bỗng nhiên mang thêm vẻ giáo điều. Làm sao giữ được sự tự do trong ngành giảng huấn, gây được tinh thần cầu tiến và thể thao cho tất cả giáo sư sinh viên? Được như vậy thì học lối tuyển lựa hay theo hệ tín chỉ đều khả thi, mà chương trình còn có thể cập nhật hóa dễ dàng theo những kiến thức mới và những đòi hỏi thời trang của cộng đồng và xã hội.

Viết về một thời loạn lạc xa xôi, việc xưa cảnh cũ như bao phủ trong một màn sương. Hình và bóng đều phai mờ, ai nói hay cũng được, mà nói dở có sao đâu! Chuyện có người mới thấy là phải đã có người cho ngay là trái. Tuy nhiên tại những miền đất hứa bốn phương, nghĩa thầy trò rồi đồng nghiệp theo lẽ cũ lối xưa, vẫn kết tụ thành tình bằng hữu. Tôi làm sao nhớ hết kể hết được những người bạn thân mến này, mà tôi đã may mắn gặp từ khung trời Trường Dược Sài Gòn. Có lẽ tôi phải hỏi lại các dược sĩ Mai Văn Thông, Vương Lan Hương, Phan Lương Quới, Nguyễn Xuân Lâm, Trịnh Thị Ngọc Lang, Đào Diệp Khanh, Tôn Nữ Chi Đính, Phùng Thị Khánh Ngọc, Đỗ Thị Nguyệt Minh, Nguyễn Đức Năng, Mai Tâm, Hồ Duy Thiện, Nguyễn Thúc Mẫn.... rồi mới viết tiếp được. Để hình bóng sáng trở lại khi màn sương tan dần, vì vật nào có ảnh ấy, cơ duyên nào sinh hiện tượng ấy. Với những tin tức đan chen thật nhiều niềm vui trên xứ lạ đường xa.

Tô Đồng

30 tháng 4 năm 2003

(Nguồn: Diễn đàn cựu sinh viên Quân Y - www.svqy.org)